

# **Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



**Shape the future  
with confidence**

**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8 - 9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 57

# Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

## THÔNG TIN CHUNG

### TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) được chuyển đổi từ hình thức công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu sang công ty cổ phần từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100109385 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) Thành phố Hà Nội cấp, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 8 được cấp ngày vào ngày 16 tháng 9 năm 2025.

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty trong năm hiện tại được trình bày tại Thuyết minh số 1 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất - Thông tin về Tổng Công ty.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 12 Ngõ Tất Tố, phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Hà Nội, Việt Nam và văn phòng đại diện tại 126A phố Trần Quốc Thảo, phường Xuân Hòa, thành phố Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đinh Xuân Hân	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2025
Ông Trần Đức Hùng	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2025
Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Thành viên	
Ông Trần Văn Hải	Thành viên	
Ông Đỗ Mạnh Cường	Thành viên độc lập	

### ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban Kiểm toán trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Mạnh Cường	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2025
Ông Trần Đức Hùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2025

### BỘ PHẬN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Các thành viên bộ phận Kiểm toán nội bộ trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Tiến Thảo	Trưởng bộ phận	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 9 năm 2025
Bà Nguyễn Thùy Dung	Trưởng bộ phận	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2025
Bà Nguyễn Thị Thủy	Phó Trưởng bộ phận	
Ông Phí Ngọc Tú	Thành viên	

2-C.  
Y  
JUN  
AM  
CH

# Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Hàn Thị Khánh Vinh                      Tổng Giám đốc

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này là Bà Hàn Thị Khánh Vinh – Tổng Giám đốc.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Tổng Công ty.



# Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tổng Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Hàn Thị Khánh Vinh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2026





Shape the future  
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited  
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward  
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252  
Email: eyhcmc@vn.ey.com  
Website (EN): ey.com/en\_vn  
Website (VN): ey.com/vi\_vn

Số tham chiếu: 12315195/68672637- HN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông của Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) và các công ty con, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 6 đến trang 57, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty và các công ty con liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty và các công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Shape the future  
with confidence

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Bùi Anh Tuấn  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1067-2023-004-1

Lê Minh Tùng  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4656-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2026



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>4.709.841.689.926</b>	<b>4.363.155.594.686</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>91.326.179.936</b>	<b>289.066.457.419</b>
111	1. Tiền		43.426.179.936	38.216.457.419
112	2. Các khoản tương đương tiền		47.900.000.000	250.850.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>644.080.000.000</b>	<b>755.670.000.000</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	50.000.000
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	644.080.000.000	755.620.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.915.751.290.792</b>	<b>1.645.686.451.677</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	1.844.427.761.462	1.584.946.177.850
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	23.923.451.679	31.594.615.967
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	106.660.599.802	70.199.563.270
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7.3	(59.260.522.151)	(41.053.905.410)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>2.003.137.320.518</b>	<b>1.633.236.624.658</b>
141	1. Hàng tồn kho		2.015.841.959.957	1.662.817.347.953
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(12.704.639.439)	(29.580.723.295)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>55.546.898.680</b>	<b>39.496.060.932</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.970.228.470	2.952.155.410
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		46.279.129.720	34.106.724.260
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	7.297.540.490	2.437.181.262
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>2.942.628.272.225</b>	<b>2.092.302.291.116</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>1.402.147.510</b>	<b>708.299.536</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		1.402.147.510	708.299.536
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>267.648.302.707</b>	<b>281.174.501.833</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	163.916.255.352	174.474.438.246
222	Nguyên giá		514.211.409.778	518.506.151.736
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(350.295.154.426)	(344.031.713.490)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	103.732.047.355	106.700.063.587
228	Nguyên giá		128.887.069.845	129.518.873.145
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(25.155.022.490)	(22.818.809.558)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>13</b>	<b>34.779.306.191</b>	<b>35.759.475.749</b>
231	1. Nguyên giá		45.821.328.558	45.821.328.558
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(11.042.022.367)	(10.061.852.809)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>4.053.919.259</b>	<b>800.200.000</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		4.053.919.259	800.200.000
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>14</b>	<b>2.602.522.694.840</b>	<b>1.738.533.518.151</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		2.032.899.478.459	987.874.650.144
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		697.823.455.837	870.823.455.837
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(140.200.239.456)	(120.164.587.830)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	12.000.000.000	-
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>32.221.901.718</b>	<b>35.326.295.847</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	29.693.176.746	30.710.483.029
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	30.3	2.528.724.972	4.615.812.818
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>7.652.469.962.151</b>	<b>6.455.457.885.802</b>

1802-C  
G TY  
HH  
& YOUN  
NAM  
HỒ CH



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>3.620.798.780.130</b>	<b>2.945.521.946.922</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>3.589.102.670.962</b>	<b>2.914.045.605.262</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	1.850.633.356.610	1.555.881.211.506
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.2	39.419.574.691	22.610.280.609
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	23.524.530.412	52.276.416.801
314	4. Phải trả người lao động		32.638.709.616	26.686.757.010
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	12.234.035.829	10.469.639.652
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		2.502.062.275	2.366.571.045
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	17.421.514.208	21.093.076.654
320	8. Vay ngắn hạn	21	1.587.760.969.107	1.207.514.630.352
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		1.092.549.250	-
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	21.875.368.964	15.147.021.633
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>31.696.109.168</b>	<b>31.476.341.660</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		148.931.932	198.575.812
337	2. Phải trả dài hạn khác		1.750.000.000	1.082.000.000
338	3. Vay dài hạn	21	29.797.177.236	30.195.765.848
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>4.031.671.182.021</b>	<b>3.509.935.938.880</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>22</b>	<b>4.031.671.182.021</b>	<b>3.509.935.938.880</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		2.370.000.000.000	2.370.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.370.000.000.000	2.370.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		57.597.010.408	57.597.010.408
416	3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		(366.766.560.611)	(388.400.444.386)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	(9.010.862)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		417.701.058.585	416.297.582.809
420	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		982.723.327	982.723.327
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.260.582.734.866	792.862.397.827
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		521.983.651.047	376.684.564.188
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		738.599.083.819	416.177.833.639
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		291.574.215.446	260.605.679.757
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>7.652.469.962.151</b>	<b>6.455.457.885.802</b>

Hà Nội, Việt Nam

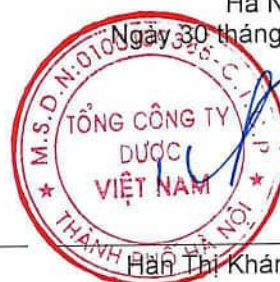
Ngày 30 tháng 3 năm 2026



Nguyễn Thị Hằng  
Người lập



Lữ Thị Khánh Trân  
Kế toán trưởng



Hàn Thị Khánh Vinh  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	5.674.802.482.975	5.529.361.265.970
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(29.208.672.409)	(7.559.820.824)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	5.645.593.810.566	5.521.801.445.146
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(5.092.394.957.721)	(4.929.091.343.194)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		553.198.852.845	592.710.101.952
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	262.849.469.202	258.183.825.320
22	7. Chi phí tài chính	26	(120.763.502.510)	(103.707.004.784)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(67.308.431.064)	(53.512.208.376)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết	14.1	503.926.781.242	158.812.167.035
25	9. Chi phí bán hàng	27	(277.204.063.654)	(273.971.995.546)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(133.621.032.954)	(148.968.624.888)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		788.386.504.171	483.058.469.089
31	12. Thu nhập khác	29	43.514.681.898	32.233.029.195
32	13. Chi phí khác	29	(7.118.890.072)	(6.059.591.347)
40	14. Lợi nhuận khác	29	36.395.791.826	26.173.437.848
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		824.782.295.997	509.231.906.937
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(31.879.281.718)	(37.257.614.229)
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	30.3	(2.087.087.846)	(3.879.165.953)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		790.815.926.433	468.095.126.755
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		738.599.083.819	420.814.703.639
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		52.216.842.614	47.280.423.116

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	3.071	1.710
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	32	3.071	1.710

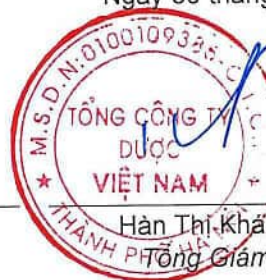
Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 3 năm 2026



Nguyễn Thị Hằng  
Người lập



Lữ Thị Khánh Trân  
Kế toán trưởng



Hàn Thị Khánh Vinh  
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>824.782.295.997</b>	<b>509.231.906.937</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư, hao mòn tài sản cố định vô hình và phân bổ tiền thuê đất trả trước		28.797.277.868	30.287.335.588
03	Dự phòng/(hoàn nhập) các khoản dự phòng		22.458.733.761	(23.133.111.141)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		1.350.791.078	3.572.992.533
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(701.632.959.858)	(393.977.695.232)
06	Chi phí lãi vay	26	67.308.431.064	53.512.208.376
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>243.064.569.910</b>	<b>179.493.637.061</b>
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(319.923.603.295)	107.313.509.153
10	Tăng hàng tồn kho		(353.024.612.004)	(208.470.338.487)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		307.503.490.782	(96.418.199.292)
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		977.986.951	(330.907.582)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		50.000.000	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(66.010.807.446)	(54.272.979.989)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(60.325.177.808)	(46.478.013.595)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	20	(8.166.105.961)	(16.351.232.784)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>(255.854.258.871)</b>	<b>(135.514.525.515)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(14.998.273.448)	(8.159.728.768)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		1.131.271.968	23.704.343.391
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(698.500.000.000)	(1.036.120.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		798.040.000.000	1.203.700.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(494.777.000.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		27.274.114.505	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		311.972.482.050	252.996.496.785
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(69.857.404.925)</b>	<b>436.121.111.408</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		4.618.363.333.105	3.518.443.336.598
34	Tiền trả nợ gốc vay		(4.238.515.582.962)	(3.448.112.409.136)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu và cổ đông không kiểm soát		(251.853.721.488)	(185.840.109.719)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		127.994.028.655	(115.509.182.257)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(197.717.635.141)	185.097.403.636
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		289.066.457.419	104.326.275.471
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(22.642.342)	(357.221.688)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	5	91.326.179.936	289.066.457.419

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2026



Nguyễn Thị Hằng  
Người lập



Lữ Thị Khánh Trân  
Kế toán trưởng



Hàn Thị Khánh Vinh  
Tổng Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP (“Tổng Công ty”) được chuyển đổi từ hình thức công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu sang công ty cổ phần từ ngày 8 tháng 12 năm 2016 theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100109385 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) Thành phố Hà Nội cấp, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 8 được cấp ngày vào ngày 16 tháng 9 năm 2025.

Hoạt động kinh doanh chính Tổng Công ty và các công ty con bao gồm:

- ▶ Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (trừ các loại mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người);
- ▶ Sản xuất thuốc, hóa dược, dược liệu;
- ▶ Dịch vụ bảo quản thuốc, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, xuất nhập khẩu các mặt hàng Tổng Công ty và các công ty con kinh doanh; dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng;
- ▶ Dịch vụ chuyển giao công nghệ;
- ▶ Sản xuất thực phẩm chức năng, phụ gia thực phẩm, chất diệt khuẩn, khử trùng cho người;
- ▶ Kinh doanh hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- ▶ Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (trừ các loại mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người);
- ▶ Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- ▶ Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá);
- ▶ In ấn và dịch vụ liên quan đến in;
- ▶ Giáo dục nghề nghiệp;
- ▶ Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;
- ▶ Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- ▶ Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa; và
- ▶ Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 12 Ngõ Tất Tố, phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám, Hà Nội, Việt Nam và văn phòng đại diện tại 126A phố Trần Quốc Thảo, phường Xuân Hòa, thành phố Hồ Chí Minh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con là 12 tháng.

Số lượng người lao động và người quản lý của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 824 người (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 867).



# Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN VỀ TỔNG CÔNG TY (tiếp theo) Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty có 3 công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 4 công ty con). Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong kỳ	Số cuối năm		Số đầu năm	
				Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết và lợi ích	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết và lợi ích
1	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Số 262L, phố Lê Văn Sỹ, phường Nhiều Lộc, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh xuất nhập khẩu dược phẩm, dụng cụ, thiết bị y tế, mỹ phẩm.	66,35%	66,57%	66,35%	66,57%
2	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	Số 87, phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội	Bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.	65,41%	65,41%	65,41%	65,41%
3	Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3	Số 115, đường Ngô Gia Tự, phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	Sản xuất kinh doanh dược phẩm, bao bì dược, thực phẩm bổ dưỡng, máy móc, thiết bị y tế, chế biến dược liệu.	65,00%	66,81%	65,00%	66,81%
4	Công ty TNHH Dược phẩm Codupha-Lào (*)	Số 253, đường Vieng Chaluen, quận Saysetta, Thủ đô Vientiane, Lào	Sản xuất và kinh doanh dược phẩm.	-	-	62,17%	93,70%

(\*) Tổng Công ty gián tiếp nắm giữ lợi ích và quyền biểu quyết tại đơn vị này thông qua Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha. Trong năm, Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha đã hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại đơn vị này với giá chuyển nhượng là 6,74 tỷ VND. Chênh lệch giữa giá chuyển nhượng và giá trị của tài sản thuần của công ty con này tại ngày thoái vốn là 5,1 tỷ VND và được ghi nhận vào chỉ tiêu Doanh thu tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC, Hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tổng Công ty và các công ty con là Nhật ký chung.

### 2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### 2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là VND.

### 2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tổng Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tổng Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Tổng Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Tổng Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của các công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

### 2.6 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Tổng Công ty và các công ty con đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. - Chi phí mua hàng hóa tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha – công ty con của Tổng Công ty theo phương pháp tính theo giá đích danh.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.2 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến hoặc được xác định theo giá trị định giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa Tổng Công ty.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

02-C  
TY  
H  
YOUN  
NAM  
5 CH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Tổng Công ty và các công ty con là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Tổng Công ty và các công ty con là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo, thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

#### 3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến, hoặc được xác định theo giá trị định giá lại tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa Tổng Công ty.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài và tiền thuê trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các quyền sử dụng đất này được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 59 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 - 12 năm
Phương tiện vận tải	4 - 10 năm
Máy móc và thiết bị	2 - 12 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	30 - 50 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

#### 3.8 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tổng Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa	9 - 46 năm
---------	------------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

#### 3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đà Nẵng vào ngày 2 tháng 1 năm 2016 trong thời hạn 30 năm, kể từ ngày 2 tháng 1 năm 2016; hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo vào ngày 21 tháng 10 năm 2005 và ngày 21 tháng 2 năm 2017 với thời hạn thuê từ ngày 21 tháng 10 năm 2005 đến ngày 21 tháng 10 năm 2050 và từ ngày 21 tháng 2 năm 2017 đến ngày 16 tháng 8 năm 2050. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 25 tháng 4 năm 2013, các khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

#### 3.11 Các khoản đầu tư

##### *Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tổng Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty và các công ty con. Thông thường, Tổng Công ty và các công ty con được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng Công ty và các công ty con trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Các quỹ được chia từ công ty liên kết được ghi nhận tương ứng trên vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tổng Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tổng Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Tổng Công ty và các công ty con trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Ngoài ra, khi có sự thay đổi được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của công ty liên kết, Tổng Công ty và các công ty con sẽ ghi nhận phần chia sẻ của mình tương ứng với các thay đổi đó trong vốn chủ sở hữu. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Ngoài ra, đối với các khoản cổ tức/lợi nhuận được chia từ lợi nhuận chưa phân phối của công ty liên kết trước ngày Tổng Công ty và các công ty con chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần, Tổng Công ty ghi nhận tăng khoản mục Chênh lệch đánh giá lại tài sản (xem Thuyết minh số 3.14) và giảm Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tổng Công ty và các công ty con. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tổng Công ty và các công ty con trong trường hợp cần thiết.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc, hoặc theo giá trị định giá lại tại thời điểm Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần. Các khoản cổ tức/phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các đơn vị khác sau ngày Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản cổ tức/lợi nhuận được chia từ số lợi nhuận lũy kế của các đơn vị khác phát sinh trước ngày Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần được ghi giảm vào giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### 3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Khi chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài cho mục đích hợp nhất, các khoản mục được chuyển đổi theo nguyên tắc sau:

- ▶ tài sản và nợ phải trả phát sinh được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối năm;
- ▶ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày mua công ty con được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- ▶ cổ tức đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức; và
- ▶ các khoản mục thuộc báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân của năm báo cáo.

Tất cả các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục Chênh lệch tỷ giá hối đoái trong phần vốn chủ sở hữu và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

#### 3.14 Vốn cổ phần

##### *Cổ phiếu phổ thông*

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

##### *Chênh lệch đánh giá lại tài sản*

Cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa, Tổng Công ty đã thực hiện đánh giá lại các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và dựa trên kết quả định giá đã được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, Tổng Công ty đã ghi nhận giá trị các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết theo giá trị định giá lại.

Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất, phần chênh lệch giữa giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và giá trị trước thời điểm định giá lại cho mục đích cổ phần hóa được Tổng Công ty ghi nhận như một khoản giảm trừ vào chỉ tiêu Chênh lệch đánh giá lại tài sản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Cổ tức và lợi nhuận được chia trước ngày Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần liên quan tới giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi tăng vào chỉ tiêu Chênh lệch đánh giá lại tài sản.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty và các công ty con phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty và các công ty con trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty và các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

##### *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty và các công ty con.

##### *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### 3.16 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

##### *Doanh thu cho thuê*

Doanh thu từ cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

##### *Cổ tức*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty và các công ty con được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

##### *Doanh thu từ tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tổng Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tổng Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập hoặc lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tổng Công ty và các công ty con có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tổng Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Tổng Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.18 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.19 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh dược phẩm và quản lý các khoản đầu tư vào các công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh dược phẩm. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và các công ty con chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tổng Công ty và các công ty con không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Tổng Công ty và các công ty con kinh doanh hoặc do hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định rằng Tổng Công ty và các công ty con chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Tổng Công ty và các công ty con không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

### 4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG PHÁT SINH TRONG NĂM

Trong tháng 10 năm 2025, Tổng Công ty đã hoàn tất giao dịch mua thêm cổ phần tại Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam, tăng tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết từ 15% lên 30%, qua đó có ảnh hưởng đáng kể đến công ty này. Theo đó Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam trở thành công ty liên kết của Tổng Công ty.

Khoản chênh lệch giữa giá phí của khoản đầu tư và phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty liên kết này tại ngày mua được ghi nhận vào phần lãi trong công ty liên kết trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Thuyết minh số 14.1).

### 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.486.611.288	1.307.086.434
Tiền gửi ngân hàng	41.939.568.648	36.909.370.985
Các khoản tiền gửi có kì hạn (*)	47.900.000.000	250.850.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>91.326.179.936</b>	<b>289.066.457.419</b>

(\*) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng và hưởng lãi suất theo từng hợp đồng tiền gửi.

### 6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 6 tháng đến 12 tháng và hưởng lãi suất theo từng hợp đồng tiền gửi.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc 18 tháng và kỳ hạn còn lại trên 12 tháng và hưởng lãi suất theo từng hợp đồng tiền gửi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

### 7.1 Phải thu ngắn hạn từ khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng		
- Công ty TNHH Dược phẩm An Vượng	165.274.139.100	177.271.677.134
- Công ty TNHH Dược phẩm Khun Thắng	92.080.485.250	102.299.153.275
- Phải thu đối tượng khác	1.587.073.137.112	1.305.375.347.441
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.844.427.761.462</b>	<b>1.584.946.177.850</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(54.369.298.107)	(36.598.092.829)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản phải thu ngắn hạn từ khách hàng của các công ty con của Tổng Công ty với tổng giá trị 485 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 663 tỷ VND) được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (Thuyết minh số 21).

### 7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
- Y.S.P INDUSTRIES (M) SDN. BHD	3.819.076.807	-
- Công ty Cổ phần KALCEKS	3.428.774.400	-
- Công ty TNHH Noah Legend	3.361.370.685	-
- EGIS PHARMACEUTICALS PLC	2.833.649.424	-
- Công ty TNHH Dược phẩm Nhất Anh	-	5.890.000.000
- Các khoản trả trước khác	10.480.580.363	25.704.615.967
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>23.923.451.679</b>	<b>31.594.615.967</b>
Dự phòng trả trước ngắn hạn khó đòi	(216.106.684)	(278.011.205)

### 7.3 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	41.053.905.410	29.981.140.924
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	36.337.748.436	18.575.002.793
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(18.131.131.695)	(7.502.238.307)
Số cuối năm	59.260.522.151	41.053.905.410

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về cổ tức	-	-	6.936.127.000	-
Phải thu lãi tiền gửi	7.058.730.797	-	7.276.635.876	-
Các khoản tạm ứng	1.636.003.372	-	4.602.854.367	-
Phải thu hàng nhập khẩu ủy thác	1.659.798.876	-	7.015.892.573	-
Phải thu từ hỗ trợ bán hàng	42.671.139.499	-	29.164.537.400	-
Ký cược, ký quỹ	5.158.397.051	-	4.326.420.247	-
Phải thu hỗ trợ hủy hàng hư hỏng	12.292.638.682	-	-	-
Phải thu ngắn hạn khác	36.183.891.525	(4.675.117.360)	10.877.095.807	(4.618.407.897)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>106.660.599.802</b>	<b>(4.675.117.360)</b>	<b>70.199.563.270</b>	<b>(4.618.407.897)</b>

**9. NỢ XẤU**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Mi Nguyễn	20.441.836.178	-	19.954.092.956	5.278.990.203
Công ty TNHH Asia Medical Food	18.008.018.716	11.383.706.626	-	-
Công ty Cổ phần Gravitas	11.312.827.360	8.425.394.609	-	-
Công ty TNHH Dược phẩm Kim Châu	4.086.849.776	-	4.086.849.776	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Hoàng An	3.124.998.992	-	3.186.903.513	-
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán khác	33.112.120.617	11.017.028.253	28.408.171.839	9.303.122.471
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>90.086.651.639</b>	<b>30.826.129.488</b>	<b>55.636.018.084</b>	<b>14.582.112.674</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. HÀNG TỒN KHO**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	128.938.983.878	-	117.684.774.764	-
Nguyên liệu, vật liệu	13.353.403.932	(816.086.623)	12.711.938.105	(22.370.242)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.822.465.906	-	4.006.801.085	-
Thành phẩm	9.538.878.558	(32.863.970)	5.463.705.329	(12.311.993)
Hàng hóa	1.861.811.786.639	(11.855.688.846)	1.522.950.128.670	(29.546.041.060)
Hàng gửi đi bán	376.441.044	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.015.841.959.957</b>	<b>(12.704.639.439)</b>	<b>1.662.817.347.953</b>	<b>(29.580.723.295)</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, hàng tồn kho có giá trị là 387 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 740 tỷ VND) đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng (Thuyết minh số 21).

**Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	29.580.723.295	61.795.596.759
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	23.183.400.857	9.093.610.325
Trừ: Sử dụng dự phòng trong năm	(37.280.135.164)	(1.330.926.437)
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.779.349.549)	(39.977.557.352)
Số cuối năm	<u>12.704.639.439</u>	<u>29.580.723.295</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

						Đơn vị tính: VND	
						Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá:							
Số đầu năm	315.020.865.028	122.175.387.616	71.822.992.988		9.151.209.673	335.696.431	518.506.151.736
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	6.940.981.286	820.000.000	-		-	-	7.760.981.286
- Mua trong năm	1.788.918.133	2.473.321.370	601.608.889		694.511.364	-	5.558.359.756
- Thanh lý, nhượng bán	-	(701.339.100)	(4.262.551.598)		(377.644.732)	-	(5.341.535.430)
- Giảm do thoái vốn công ty con	(5.825.210.135)	(4.431.765.720)	(1.737.682.747)		-	(277.888.968)	(12.272.547.570)
Số cuối năm	317.925.554.312	120.335.604.166	66.424.367.532		9.468.076.305	57.807.463	514.211.409.778
Trong đó:							
Đã khấu hao hết	89.004.652.079	55.448.303.049	34.383.266.211		7.035.344.956	57.807.463	185.929.373.758
Giá trị khấu hao lũy kế:							
Số đầu năm	186.918.143.068	96.943.228.520	52.022.895.166		7.811.750.305	335.696.431	344.031.713.490
- Khấu hao trong năm	10.357.836.162	8.630.156.085	4.157.393.327		630.800.850	-	23.776.186.424
- Thanh lý, nhượng bán	-	(651.660.970)	(4.262.551.598)		(377.644.732)	-	(5.291.857.300)
- Giảm do thoái vốn công ty con	(5.825.210.135)	(4.431.765.720)	(1.737.682.747)		-	(277.888.968)	(12.272.547.570)
- Tăng khác	51.659.382	-	-		-	-	51.659.382
Số cuối năm	191.502.428.477	100.489.957.915	50.180.054.148		8.064.906.423	57.807.463	350.295.154.426
Giá trị còn lại:							
Số đầu năm	128.102.721.960	25.232.159.096	19.800.097.822		1.339.459.368	-	174.474.438.246
Số cuối năm	126.423.125.835	19.845.646.251	16.244.313.384		1.403.169.882	-	163.916.255.352

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 4,16 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 4,3 tỷ VND) được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng (Thuyết minh số 21).





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Đơn vị tính: VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm	123.420.668.307	6.098.204.838	129.518.873.145
- Giảm do thoái vốn công ty con	(467.777.662)	(164.025.638)	(631.803.300)
Số cuối năm	122.952.890.645	5.934.179.200	128.887.069.845
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	563.897.536	2.871.213.200	3.435.110.736
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số đầu năm	18.071.926.564	4.746.882.994	22.818.809.558
- Hao mòn trong năm	2.539.673.028	428.343.204	2.968.016.232
- Giảm do thoái vốn công ty con	(467.777.662)	(164.025.638)	(631.803.300)
Số cuối năm	20.143.821.930	5.011.200.560	25.155.022.490
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	105.348.741.743	1.351.321.844	106.700.063.587
Số cuối năm	102.809.068.715	922.978.640	103.732.047.355

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, một công ty con của Tổng Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất tại 132A đường Nguyễn Văn Cừ nổi dài, phường Tân An, thành phố Cần Thơ làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (*Thuyết minh số 21*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Đơn vị tính: VND

Nhà cửa, vật kiến trúc

**Nguyên giá:**

Số đầu năm	45.821.328.558
Số cuối năm	45.821.328.558
Trong đó:	
Đã khấu hao hết	-

**Giá trị khấu hao lũy kế:**

Số đầu năm	10.061.852.809
- Khấu hao trong năm	1.031.828.940
- Giảm khác	(51.659.382)
Số cuối năm	11.042.022.367

**Giá trị còn lại:**

Số đầu năm	35.759.475.749
Số cuối năm	34.779.306.191

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty chủ yếu là diện tích sàn văn phòng của Dự án Tổ hợp Thương mại, Văn phòng và Nhà ở chung cư cao cấp PVV – Vinapharm và hiện đang được sử dụng để cho thuê.

Tổng Công ty chưa thu thập được các thông tin cần thiết để xác định và thuyết minh giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này.

**14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết (Thuyết minh số 14.1)	2.032.899.478.459	987.874.650.144
Đầu tư góp vốn vào công ty khác (Thuyết minh số 14.2)	697.823.455.837	870.823.455.837
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (140.200.239.456)	(140.200.239.456)	(120.164.587.830)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn (Thuyết minh số 6)	12.000.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.602.522.694.840</b>	<b>1.738.533.518.151</b>

**Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	120.164.587.830	123.486.516.430
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	32.525.086.115	19.251.811.850
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(12.489.434.489)	(22.573.740.450)
Số cuối năm	140.200.239.456	120.164.587.830



Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTC

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

Chi tiết các công ty liên kết của Tổng Công ty và các công ty con như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Số cuối năm			Số đầu năm		
			Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu và lợi ích	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu và lợi ích
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	Số 138 Giảng Võ, phường Giảng Võ, thành phố Hà Nội	Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại dược phẩm (nguyên liệu và thành phẩm) và hóa chất	41,15%	41,15%	41,15%	41,15%	41,15%	41,15%
Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam	Lô I-8-2, Đường D8, Khu Công nghệ cao, phường Tân Nhựt Phú, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, nghiên cứu và phát triển các sản phẩm dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng	30,00%	30,00%	30,00%	-	-	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi – Synthelabo Việt Nam	Số 3A-3B Tôn Đức Thắng, phường Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	Số 448B Nguyễn Tất Thành, phường Xóm Chiếu, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	28,43%	28,43%	28,43%	28,43%	28,43%	28,43%
Công ty Cổ phần Dược Danapha	Số 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	26,45%	26,45%	26,45%	26,45%	26,45%	26,45%
Công ty Cổ phần Dược Davina	Số 253 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%	25,00%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Số 16 Lê Đại Hành, phường Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	22,07%	22,07%	22,07%	22,07%	22,07%	22,07%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Số 4, đường 30/4, phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	Sản xuất mua bán, xuất nhập khẩu dược phẩm, thiết bị và dụng cụ y tế, nguyên liệu bao bì sản xuất thuốc	22,04%	22,04%	22,04%	22,04%	22,04%	22,04%
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	262L Lê Văn Sỹ, phường Nhiều Lộc, thành phố Hồ Chí Minh	Bán buôn tổng hợp hóa dược và dược liệu	30,00%	30,00%	19,97%	30,00%	30,00%	19,97%

## Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTPC

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 14.1 Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị hợp lý	Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị hợp lý	
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	17.259.025.266	(*)	17.076.577.847	(*)	
Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam (**)	1.070.346.307.643	(*)	-	-	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi – Synthelabo Việt Nam	28.422.881.893	(*)	124.222.288.290	(*)	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25 (i)	44.757.744.543	37.800.000.000	44.113.745.307	38.556.000.000	
Công ty Cổ phần Dược Danapha (i)	224.981.242.123	202.696.912.200	202.300.485.426	171.683.177.000	
Công ty Cổ phần Dược Davina	-	(**)	-	(*)	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3 (i)	134.757.629.509	250.593.393.600	114.542.763.511	276.696.872.100	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm (i)	508.437.675.174	1.782.322.080.000	481.234.715.585	1.595.602.624.000	
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	3.936.972.308	(*)	4.384.074.178	(*)	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.032.899.478.459</b>		<b>987.874.650.144</b>		

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa (tại ngày kết thúc kỳ kế toán hoặc ngày có giao dịch gần nhất với ngày kết thúc kỳ kế toán) của cổ phiếu của các công ty được niêm yết trên các sàn giao dịch chứng khoán.

(\*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(\*\*) Xem Thuyết minh số 4.



# Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTPC

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

### 14.1 Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Số đầu năm	Phân loại lại từ đầu tư góp vốn vào công ty khác	Phần lợi nhuận/(lỗ) được hưởng trong năm	Tăng vốn đầu tư	Lợi nhuận từ giao dịch mua giá rẻ (**)	Cổ tức nhận được	Giảm khác (*)	Số cuối năm
Đơn vị tính: VND									
1.	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	17.076.577.847	-	1.667.447.419	-	-	(1.485.000.000)	-	17.259.025.266
2.	Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam (**)	-	173.000.000.000	15.961.917.282	496.794.524.073	384.589.866.288	-	-	1.070.346.307.643
3.	Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi – Synthelabo Việt Nam (*)	124.222.288.290	-	199.313.603	-	-	(74.364.836.225)	(21.633.883.775)	28.422.881.893
4.	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	44.113.745.307	-	643.999.236	-	-	-	-	44.757.744.543
5.	Công ty Cổ phần Dược Danapha	202.300.485.426	-	22.680.756.697	-	-	-	-	224.981.242.123
6.	Công ty Cổ phần Dược Davina	-	-	-	-	-	-	-	-
7.	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	114.542.763.511	-	34.453.126.998	-	-	(14.238.261.000)	-	134.757.629.509
8.	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	481.234.715.585	-	44.177.455.589	-	-	(16.974.496.000)	-	508.437.675.174
9.	Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	4.384.074.178	-	(447.101.870)	-	-	-	-	3.936.972.308
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>987.874.650.144</b>	<b>173.000.000.000</b>	<b>119.336.914.954</b>	<b>496.794.524.073</b>	<b>384.589.866.288</b>	<b>(107.062.593.225)</b>	<b>(21.633.883.775)</b>	<b>2.032.899.478.459</b>

(\*) Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện ghi giảm giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi – Synthelabo Việt Nam do nhận được cổ tức từ nguồn lợi nhuận trước ngày Tổng Công ty chính thức được chuyển đổi sang công ty cổ phần. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang trong quá trình phối hợp với công ty liên kết này để thực hiện các thủ tục giải thể và đóng cửa của công ty theo các quy định hiện hành.

(\*\*) Xem Thuyết minh số 4.

# Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTPC

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

### 14.2 Đầu tư góp vốn vào công ty khác

	Số cuối năm			Số đầu năm			Đơn vị tính: VND
	Tỷ lệ góp vốn	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ góp vốn	Giá gốc	
Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar (i)	18,40%	200.503.651.417	(81.918.274.717)	118.585.376.700	18,40%	200.503.651.417	(85.854.916.917)
Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam (iii)	-	-	-	-	15,00%	173.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bao bì Dược	15,00%	11.370.153.435	-	(*)	15,00%	11.370.153.435	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Vidiaphar (i)	14,36%	75.628.326.988	-	184.308.166.000	14,36%	75.628.326.988	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC (i)	13,40%	139.411.862.876	-	206.063.664.000	13,40%	139.411.862.876	-
Công ty Cổ phần Dược Trung ương Mediplantex (i)	11,50%	29.455.746.106	-	33.546.250.000	11,50%	29.455.746.106	-
Công ty Cổ phần Y Dược phẩm Vimedimex (i)	10,23%	46.022.915.860	(19.955.671.360)	26.067.244.500	10,23%	46.022.915.860	(19.955.671.360)
Công ty Cổ phần Dược liệu Trung ương 2	9,90%	37.739.465.978	-	(*)	9,90%	37.739.465.978	-
Công ty Cổ phần Dược Medipharco (i)	9,10%	9.231.455.589	-	9.499.014.000	9,10%	9.231.455.589	(750.193.089)
Công ty Cổ phần Hóa Dược Việt Nam	7,76%	5.107.203.820	-	(*)	7,76%	5.107.203.820	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2 (i)	6,78%	11.861.708.288	(7.116.720.303)	4.744.987.985	6,78%	11.861.708.288	(4.807.128.288)
Công ty Cổ phần Dược phẩm Yên Bái	5,73%	3.466.940.866	-	(*)	5,73%	3.466.940.866	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco (i)	5,18%	69.305.080.876	(31.209.573.076)	38.095.507.800	5,18%	69.305.080.876	(28.796.678.176)
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội (i)	10,75%	27.776.985.675	-	618.133.178.800	10,75%	27.776.985.675	-
Công ty Cổ phần Dược và Dịch vụ Thương mại Tuyên Quang	0,81%	670.269.026	-	(*)	0,81%	670.269.026	-
Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh (i)	0,65%	971.029.662	-	2.545.537.500	0,65%	971.029.662	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm TV. Pharm	0,10%	300.659.375	-	(*)	0,10%	300.659.375	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương (ii)	2,53%	6.017.000.000	-	(*)	2,53%	6.017.000.000	-
Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương (ii)	2,44%	22.983.000.000	-	(*)	2,44%	22.983.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>697.823.455.837</b>	<b>(140.200.239.456)</b>			<b>870.823.455.837</b>	<b>(120.164.587.830)</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**14.2 Đầu tư góp vốn vào công ty khác** (tiếp theo)

- (i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa (tại ngày kết thúc kỳ kế toán hoặc ngày có giao dịch gần nhất với ngày kết thúc kỳ kế toán) của cổ phiếu của các công ty được niêm yết trên các sàn giao dịch chứng khoán.
- (ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, khoản đầu tư của một công ty con tại Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương và Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 21.
- (iii) Xem Thuyết minh số 4.
- (\*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất trả trước	23.912.740.583	24.933.986.855
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.477.625.562	1.690.891.003
Chi phí trả trước dài hạn khác	4.302.810.601	4.085.605.171
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>29.693.176.746</b>	<b>30.710.483.029</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**16.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Đơn vị tính: VND				
Phải trả người bán ngắn hạn				
- Công ty TNHH Dược phẩm Hisamitsu Việt Nam	252.765.103.748	252.765.103.748	228.034.625.325	228.034.625.325
- Celltrion Inc.	195.096.097.291	195.096.097.291	-	-
- Novapri Lifescience Private Limited	162.930.176.208	162.930.176.208	104.218.476.026	104.218.476.026
- Công ty TNHH Hyphens Pharma	86.327.651.821	86.327.651.821	142.810.055.819	142.810.055.819
- Phải trả người bán khác	1.143.426.967.463	1.143.426.967.463	1.072.798.244.143	1.072.798.244.143
Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	10.087.360.079	10.087.360.079	8.019.810.193	8.019.810.193
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.850.633.356.610</b>	<b>1.850.633.356.610</b>	<b>1.555.881.211.506</b>	<b>1.555.881.211.506</b>

**16.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước		
- Công ty Cổ phần Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Phi Long	7.040.270.532	-
- Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Trường Tồn	5.052.302.300	3.378.237.903
- Công ty TNHH Thương mại quốc tế Ngọc Mỹ	4.468.351.745	-
- Người mua khác trả tiền trước	22.858.650.114	19.232.042.706
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>39.419.574.691</b>	<b>22.610.280.609</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp trong năm	Số đã khấu trừ trong năm	Số đã nộp trong năm	Số phải thu	Số phải nộp	
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	(138.528.103)	324.596.144	314.979.058.825	(311.402.162.729)	(3.672.028.173)	(71.889.585)	162.825.549	
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	(860.208.119)	5.386.196	113.982.578.554	-	(113.962.150.356)	(834.393.725)	-	
Thuế nhập khẩu	(65.556.585)	3.137.587	10.663.004.627	-	(10.645.705.473)	(45.119.844)	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.269.350.171)	32.512.853.666	31.879.281.718	-	(60.325.177.808)	(1.270.157.785)	4.067.765.190	
Thuế thu nhập cá nhân	(90.506.868)	490.182.033	8.693.948.952	(54.412.371)	(8.371.893.586)	(21.758)	667.339.918	
Thuế sử dụng đất	-	2.043.978.378	16.677.631.912	-	(22.142.344.110)	(5.075.957.793)	1.655.223.973	
Phí, lệ phí khác	(13.031.416)	16.896.282.797	1.014.423.840	-	(926.299.439)	-	16.971.375.782	
TỔNG CỘNG	(2.437.181.262)	52.276.416.801	497.889.928.428	(311.456.575.100)	(220.045.598.945)	(7.297.540.490)	23.524.530.412	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thưởng kinh doanh	4.500.000.000	4.479.750.000
Chi phí lãi vay	2.250.308.215	952.684.597
Chi phí phải trả khác	5.483.727.614	5.037.205.055
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.234.035.829</b>	<b>10.469.639.652</b>

**19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả hàng ủy thác (i)	5.638.382.776	11.909.858.335
Phải trả về cổ tức	2.693.197.477	360.688.965
Các khoản ký cược, ký quỹ	1.621.541.128	479.001.586
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	7.468.392.827	8.343.527.768
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>17.421.514.208</b>	<b>21.093.076.654</b>

(i) Đây là các khoản phải trả nhà cung cấp từ việc mua các lô hàng nhập khẩu được ủy thác đã hoàn thành trong năm.

**20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	15.147.021.633	9.353.401.594
Trích lập quỹ trong năm (Thuyết minh số 22.1)	14.894.453.292	22.146.639.232
Giảm khác	-	(1.786.409)
Sử dụng quỹ trong năm	(8.166.105.961)	(16.351.232.784)
<b>Số cuối năm</b>	<b>21.875.368.964</b>	<b>15.147.021.633</b>

# Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTPC

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 21. VAY

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>Vay ngắn hạn</b>							
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.1)	1.195.578.041.740	1.195.578.041.740	4.614.968.333.105	(4.232.412.994.350)	1.578.133.380.495	1.578.133.380.495	
Vay cá nhân (Thuyết minh số 21.2)	11.538.000.000	11.538.000.000	3.395.000.000	(5.704.000.000)	9.229.000.000	9.229.000.000	
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21.3)	398.588.612	398.588.612	398.588.612	(398.588.612)	398.588.612	398.588.612	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.207.514.630.352</b>	<b>1.207.514.630.352</b>	<b>4.618.761.921.717</b>	<b>(4.238.515.582.962)</b>	<b>1.587.760.969.107</b>	<b>1.587.760.969.107</b>	
<b>Vay dài hạn</b>							
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.3)	1.195.765.848	1.195.765.848	-	(398.588.612)	797.177.236	797.177.236	
Vay đối tượng khác (Thuyết minh số 21.3)	29.000.000.000	29.000.000.000	-	-	29.000.000.000	29.000.000.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>30.195.765.848</b>	<b>30.195.765.848</b>	<b>-</b>	<b>(398.588.612)</b>	<b>29.797.177.236</b>	<b>29.797.177.236</b>	



# Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTPC

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

<b>21.</b>	<b>VAY</b> (tiếp theo)				
<b>21.1</b>	<b>Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn</b>				
	<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất (năm)</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	449.152.811.079	Kỳ hạn vay 6 tháng. Khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 25 tháng 6 năm 2026. Lãi vay trả hàng tháng.	5,2% - 7,3%	Quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng ký kết giữa Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha và các khách hàng giá trị 275.000.000.000 VND và một phần hàng hóa tồn kho luân chuyển bình quân trị giá 210.000.000.000 VND.
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	192.150.201.035	Kỳ hạn vay 6 tháng. Khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 30 tháng 6 năm 2026. Lãi vay trả hàng tháng.	5,2% - 7,0%	Quyền sử dụng đất tọa lạc tại 132A đường Nguyễn Văn Cừ nổi dài, phường Tân An, thành phố Cần Thơ của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha.
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	172.270.471.681	Kỳ hạn vay 6 tháng. Khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 31 tháng 5 năm 2026. Lãi vay trả hàng tháng.	5,2% - 7,8%	Hàng tồn kho luân chuyển không bảo vệ chốt giữ và khoản phải thu luân chuyển với giá trị tối thiểu 300.000.000.000 VND.
	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Sở Giao Dịch	147.496.530.252	Kỳ hạn vay từ 4 đến 5 tháng. Khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 1 tháng 6 năm 2026. Lãi vay trả hàng tháng.	4,1% - 5,7%	Tin chấp.
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	109.585.026.864	Kỳ hạn vay từ 5,5 đến 6 tháng. Khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 22 tháng 5 năm 2026. Lãi vay trả hàng tháng.	4,2% - 4,8%	Tin chấp.
	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao Dịch	108.168.935.469	Kỳ hạn vay từ 3 đến 6 tháng. Khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 18 tháng 6 năm 2026. Lãi vay trả hàng tháng.	4,3% - 6,8%	Tin chấp.
	Các khoản vay khác	399.309.404.115	Khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 14 tháng 11 năm 2026. Lãi vay trả hàng tháng.	4,2% - 6,7%	Một số tài sản là số dư tài khoản đảm bảo tại ngân hàng, hàng tồn kho và quyền đòi nợ phát sinh từ các khoản phải thu hoặc quyền đòi nợ luân chuyển của các công ty con của Tổng Công ty và tin chấp.

**TỔNG CỘNG**  
**1.578.133.380.495**



# Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTPC

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 21. VAY (tiếp theo)

### 21.2 Các khoản vay cá nhân ngắn hạn

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (năm)	Hình thức đảm bảo
Vay cán bộ công nhân viên	9.129.000.000	Thanh toán gốc khi có yêu cầu. Lãi vay trả hàng quý.	5,7%	Tín chấp.
Vay các cá nhân khác	100.000.000	Thanh toán gốc khi có yêu cầu. Lãi vay trả hàng tháng.	12%	Tín chấp.
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>9.229.000.000</b>			

### 21.3 Các khoản vay dài hạn

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đà Nẵng Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả Vay dài hạn	1.195.765.848  398.588.612 797.177.236	Khoản vay cuối cùng đáo hạn ngày 1 tháng 3 năm 2029. Lãi vay trả hàng tháng.	12,5%	Nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị tại trụ sở chính (nhà kho và khu văn phòng Hòa Minh) của Công ty Cổ phần Dược Trung ương 3.
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Hoa Lâm Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả Vay dài hạn	29.000.000.000  - 29.000.000.000	Khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2027.	0%	Cổ phần của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha tại Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương và Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương.
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>30.195.765.848</b>			
Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả Vay dài hạn	398.588.612 29.797.177.236			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

							Đơn vị tính: VND		
							Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng	
							Lợi nhuận chưa phân phối		
							Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
							Quỹ đầu tư phát triển		
							Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
							Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
							Vốn khác của chủ sở hữu		
							Vốn cổ phần đã phát hành		
Năm trước:									
Số đầu năm	2.370.000.000.000	57.739.257.171	(388.400.444.386)	(5.896.797.638)	349.450.358.079	982.699.119	616.315.629.334	236.695.504.100	3.236.886.205.779
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	420.814.703.639	47.280.423.116	468.095.126.755
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(165.899.949.732)	(20.017.885.268)	(185.917.835.000)
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	67.333.390.287	-	(67.333.390.287)	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(9.913.744.122)	(5.232.895.110)	(15.146.639.232)
- Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024	-	-	-	-	-	-	(4.636.870.000)	(2.363.130.000)	(7.000.000.000)
- Tăng/(giảm) khác	-	(142.246.763)	-	5.887.786.776	(486.165.557)	24.208	3.516.018.995	4.243.662.919	13.019.080.578
Số cuối năm	2.370.000.000.000	57.597.010.408	(388.400.444.386)	(9.010.862)	416.297.582.809	982.723.327	792.862.397.827	260.605.679.757	3.509.935.938.880





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**22.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đơn vị tính: Cổ phiếu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn đầu tư của Nhà nước (*)	154.050.000	154.050.000	-	154.050.000	154.050.000	-
Các cổ đông khác	82.950.000	82.950.000	-	82.950.000	82.950.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>237.000.000</b>	<b>237.000.000</b>	<b>-</b>	<b>237.000.000</b>	<b>237.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Theo Văn bản số 471/TTg – ĐMDN ngày 27 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ, quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP đã được chuyển giao từ Bộ Y tế sang Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC).

**22.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu năm	2.370.000.000.000	2.370.000.000.000
Tăng trong năm	-	-
Số cuối năm	<u>2.370.000.000.000</u>	<u>2.370.000.000.000</u>
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã công bố</b>		
Cổ tức trả bằng tiền cho năm 2024	237.000.000.000	-
Cổ tức trả bằng tiền cho năm 2023	-	165.900.000.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã trả</b>		
Cổ tức cho năm 2024	237.000.000.000	-
Cổ tức cho năm 2023	-	165.900.000.000
Cổ tức cho năm 2021	-	24.360.000
Cổ tức cho năm 2020	-	28.403.000
Cổ tức cho năm 2019	-	11.160.000
Cổ tức cho năm 2018	-	7.800.000

**22.4 Cổ phiếu**

Đơn vị tính: Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>237.000.000</b>	<b>237.000.000</b>
<b>Cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>		
Cổ phiếu phổ thông	237.000.000	237.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	237.000.000	237.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 10.000 VND/cổ phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	12.965	14.627
- Euro (EUR)	575	1.320
- Baht Thái (THB)	-	62.602
- Kip Lào (LAK)	-	990.664
- Forint Hungari (HUF)	20.000	20.000
- Rúp Nga (RUB)	662.000	662.000
2. Hàng hóa giữ hộ bên thứ ba (đơn vị)		
- Thuốc kê đơn	1.207.802	1.095.880
Hộp	124.567	27.877
Tuýp	118.509	1.589
Ống	91.714	26.278
Chai	50.310	57.960
Gói/Túi	320.922	80.682
Viên	3.115	11.523
Lọ	51.889	29.438
Khác	222.500	-
- Thiết bị y tế		
Chiếc		
3. Hàng hóa nhập khẩu ủy thác giữ hộ bên thứ ba (VND)	-	77.976.162.747

## 24. DOANH THU

### 24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>5.674.802.482.975</b>	<b>5.529.361.265.970</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	5.582.384.385.423	5.431.578.003.446
Doanh thu cung cấp dịch vụ	92.418.097.552	79.126.788.262
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	-	18.656.474.262
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(29.208.672.409)</b>	<b>(7.559.820.824)</b>
Hàng bán bị trả lại	(27.514.244.214)	(5.708.190.014)
Giảm giá hàng bán	(1.694.428.195)	(812.084.413)
Chiết khấu thương mại	-	(1.039.546.397)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>5.645.593.810.566</b>	<b>5.521.801.445.146</b>
Trong đó:		
Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và thành phẩm	5.553.175.713.014	5.424.018.182.622
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ	92.418.097.552	79.126.788.262
Doanh thu chuyển nhượng bất động sản	-	18.656.474.262
Trong đó:		
Doanh thu thuần đối với bên khác	5.645.352.952.512	5.518.940.790.476
Doanh thu thuần đối với bên liên quan (Thuyết minh số 31)	240.858.054	2.860.654.670



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. DOANH THU (tiếp theo)**

**24.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia	147.130.720.686	162.671.888.300
Lãi tiền gửi	50.625.136.060	49.660.741.160
Lãi chênh lệch tỷ giá	40.267.558.397	28.559.858.158
Lãi bán hàng trả chậm	2.399.636.562	3.500.767.640
Doanh thu tài chính khác	22.426.417.497	13.790.570.062
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>262.849.469.202</b>	<b>258.183.825.320</b>

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	5.060.121.493.001	4.925.236.692.972
Giá vốn cung cấp dịch vụ	11.869.413.412	22.702.320.667
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	-	12.036.276.582
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20.404.051.308	(30.883.947.027)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.092.394.957.721</b>	<b>4.929.091.343.194</b>

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	67.308.431.064	53.512.208.376
Lỗ chênh lệch tỷ giá	33.304.619.820	53.516.725.008
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	20.035.651.626	(3.321.928.600)
Chi phí tài chính khác	114.800.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>120.763.502.510</b>	<b>103.707.004.784</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
- Chi phí nhân công	143.271.901.925	139.897.631.200
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.436.707.330	8.014.016.313
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.634.734.617	47.361.177.458
- Chi phí khấu hao, hao mòn tài sản cố định	19.151.516.283	20.175.184.369
- Chi phí bán hàng khác	66.709.203.499	58.523.986.206
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>277.204.063.654</b>	<b>273.971.995.546</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
- Chi phí nhân viên quản lý	45.961.645.158	35.342.732.489
- Chi phí dụng cụ quản lý	2.943.648.175	3.899.140.722
- Chi phí khấu hao, hao mòn tài sản cố định	5.610.542.693	5.868.717.895
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.755.650.452	30.659.935.952
- Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	18.206.616.741	11.124.256.486
- Thuế, phí và lệ phí	10.944.123.808	11.350.101.311
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	25.198.805.927	50.723.740.033
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>133.621.032.954</b>	<b>148.968.624.888</b>

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	5.025.630.709.084	4.844.326.237.181
Chi phí bất động sản đã chuyển nhượng	-	12.036.276.582
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	54.532.708.326	42.693.615.702
Chi phí nhân công	196.308.561.115	182.805.414.346
Chi phí khấu hao, hao mòn tài sản cố định	28.797.277.868	30.171.329.873
Chi phí dịch vụ mua ngoài	73.219.608.011	90.717.715.816
Chi phí bằng tiền khác	126.622.027.975	135.854.967.542
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.505.110.892.379</b>	<b>5.338.605.557.042</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>		
Tiền bồi thường bảo hiểm	40.660.739.377	29.284.171.524
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.081.593.838	1.845.182.325
Thu nhập khác	1.772.348.683	1.103.675.346
	<u>43.514.681.898</u>	<u>32.233.029.195</u>
<b>Chi phí khác</b>		
Các khoản phạt	5.682.332.846	4.543.624.166
Chi phí khác	1.436.557.226	1.515.967.181
	<u>7.118.890.072</u>	<u>6.059.591.347</u>
<b>LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN</b>	<u><b>36.395.791.826</b></u>	<u><b>26.173.437.848</b></u>

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Tổng Công ty và các công ty con là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**30.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN hiện hành	31.879.281.718	37.257.614.229
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	2.087.087.846	3.879.165.953
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>33.966.369.564</b></u>	<u><b>41.136.780.182</b></u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**30.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tổng Công ty và các công ty con khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tổng Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu giữa thu nhập chịu thuế và lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>824.782.295.997</b>	<b>509.231.906.937</b>
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Chi phí không được khấu trừ	3.374.211.441	3.337.858.606
Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách	1.693.660.000	977.936.364
Các khoản tăng khác	1.692.678.012	17.718.424.462
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Cổ tức được chia	(147.130.720.686)	(162.671.888.300)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(8.419.675.876)
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(1.113.406.730)	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(9.867.396.125)	-
Các khoản điều chỉnh giảm khác	(5.247.422.167)	(5.846.720.627)
Ảnh hưởng của bút toán hợp nhất	(504.373.883.112)	(159.475.526.247)
Lỗi năm trước chuyển sang	-	(3.555.112.852)
<b>Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành</b>	<b>163.810.016.630</b>	<b>191.297.202.467</b>
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập chịu thuế suất 20%	169.831.847.820	196.786.973.714
Lỗi tính thuế	(6.021.831.190)	(5.489.771.247)
<b>Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành</b>	<b>33.966.369.564</b>	<b>39.357.394.743</b>
Điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước	-	1.779.385.439
<b>Chi phí thuế TNDN trong năm</b>	<b>33.966.369.564</b>	<b>41.136.780.182</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**30.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Các công ty con đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.612.674.572	4.615.812.818	(3.003.138.246)	(3.879.165.953)
Chi phí thường Chi phí khác	900.000.000 16.050.400	- -	900.000.000 16.050.400	- -
	<b>2.528.724.972</b>	<b>4.615.812.818</b>		
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>			<b>(2.087.087.846)</b>	<b>(3.879.165.953)</b>

**30.4 Tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận**

**Lỗ chuyển sang từ năm trước**

Tổng Công ty và các công ty con được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng năm năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty có các khoản lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2025	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
2020	2025	(29.191.275.856)	3.459.226.496	-	(25.732.049.360)
2022	2027	(88.028.387.898)	-	-	(88.028.387.898)
2023	2028	(3.779.186.948)	-	-	(3.779.186.948)
2025	2030	(6.021.831.190)	-	-	(6.021.831.190)
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>(127.020.681.892)</b>	<b>3.459.226.496</b>	<b>-</b>	<b>(123.561.455.396)</b>

Đây là các khoản lỗ tính thuế theo tờ khai thuế TNDN của Tổng Công ty chưa được cơ quan thuế quyết toán vào thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tổng Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại cho phần lỗ lũy kế do không thể dự tính được chắc chắn lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát và các bên liên quan khác có giao dịch với Tổng Công ty và các công ty con trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	Cổ đông lớn
2	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	Công ty liên kết
3	Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam	Công ty liên kết từ ngày 6 tháng 10 năm 2025
4	Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi – Synthelabo Việt Nam	Công ty liên kết
5	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 25	Công ty liên kết
6	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Công ty liên kết
7	Công ty Cổ phần Dược Davina	Công ty liên kết
8	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3	Công ty liên kết
9	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Công ty liên kết
10	Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	Công ty liên kết
11	Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Công ty có chung thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") và nhân viên quản lý chủ chốt đến ngày 24 tháng 4 năm 2025
12	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	Công ty có chung thành viên HĐQT
13	Bà Lữ Thị Khánh Trân	Kế toán trưởng

Danh sách các bên liên quan là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Bộ phận Kiểm toán nội bộ được trình bày tại phần Thông tin chung của báo cáo tài chính hợp nhất này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty và các công ty con với các bên liên quan trong trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>			
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	Cổ tức đã trả	154.050.000.000	107.835.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Việt Nam	Cổ tức được chia	1.485.000.000	1.485.000.000
	Phí dịch vụ bảo quản hàng	-	131.790.387
	Doanh thu bán hàng hóa	42.753.420	-
Công ty Cổ phần Sanofi Việt Nam	Cổ tức được chia	127.500.000.000	118.500.000.000
	Mua cổ phần	494.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi – Synthelabo Việt Nam	Cổ tức được chia	95.998.720.000	-
Công ty Cổ phần Dược Danapha	Cổ tức được chia	-	3.876.716.900
	Doanh thu dịch vụ kiểm nghiệm	-	2.205.002.096
	Doanh thu sử dụng nhãn hiệu	105.407.191	196.826.169
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3	Cổ tức được chia	14.238.261.000	14.238.261.000
	Mua hàng hóa	-	305.174.992
	Doanh thu sử dụng nhãn hiệu	47.308.387	28.179.317
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm	Cổ tức được chia	16.974.496.000	15.431.360.000
	Mua hàng hóa và dịch vụ	16.195.042.500	3.033.988.980
	Doanh thu bán hàng hóa	1.887.500	-
	Doanh thu dịch vụ kiểm nghiệm	-	304.761.905
Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar	Cổ tức được chia	2.328.717.500	2.328.717.500
Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	Cổ tức được chia	-	12.878.979.000
	Mua hàng hóa dịch vụ	17.275.574.376	9.250.972.772
	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	110.751.500
	Doanh thu sử dụng nhãn hiệu	43.501.556	43.313.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:*

Tổng Công ty và các công ty con bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Tổng Công ty cũng ghi nhận doanh thu sử dụng quyền nhãn hiệu "Cao sao vàng" từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tổng Công ty và các công ty con chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Tổng Công ty và các công ty con (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của các bên liên quan.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 16.1)</i></b>			
Công ty Cổ phần Dược Danapha	Phải trả mua hàng hóa	-	2.512.937
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương 3	Phải trả mua hàng hóa	190.081.584	310.250.799
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	Phải trả mua hàng hóa	875.553.313	986.099.722
Công ty Cổ phần dược phẩm OPC	Phải trả mua hàng hóa	9.021.725.182	6.720.946.735
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>10.087.360.079</b>	<b>8.019.810.193</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

***Các giao dịch với các bên liên quan khác***

Tiền lương, thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng (bao gồm cả lương, thù lao tại các công ty con) trong năm:

Tên	Đơn vị tính: VND	
	Lương, thù lao	
	Năm nay	Năm trước
Ông Đinh Xuân Hân	1.319.110.000	1.076.386.364
Ông Nguyễn Tiến Dũng	125.869.565	-
Ông Trần Đức Hùng	54.130.435	161.363.636
Bà Hàn Thị Khánh Vinh	1.615.000.000	1.038.500.000
Ông Đỗ Mạnh Cường	180.000.000	124.090.909
Ông Trần Văn Hải	120.000.000	120.000.000
Bà Nguyễn Hồng Nhung	-	216.931.818
Bà Phạm Thị Xuân Hương	-	37.727.273
Bà Lữ Thị Khánh Trân	779.000.000	774.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.193.110.000</b>	<b>3.549.000.000</b>

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát	-	237.048.182



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 32. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Tổng Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	738.599.083.818	420.814.703.639
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(10.806.007.393)	(15.469.246.367)
<b>Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ</b>	<b>727.793.076.425</b>	<b>405.345.457.272</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	237.000.000	237.000.000
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) được điều chỉnh để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>237.000.000</b>	<b>237.000.000</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>		
- Lãi cơ bản	3.071	1.710
- Lãi suy giảm	3.071	1.710

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được điều chỉnh lại để phản ánh khoản thực trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại được phân bổ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty và các công ty con cho năm 2024.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng được điều chỉnh giảm khoản tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến của các công ty con được trích từ lợi nhuận năm 2025 căn cứ theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 được Đại hội đồng cổ đông của các công ty con phê duyệt. Khoản lợi nhuận này chưa bao gồm điều chỉnh tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2025 của Tổng Công ty do chưa có kế hoạch phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2025.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 33. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

#### *Cam kết thuê hoạt động*

Tổng Công ty và các công ty con hiện đang thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	21.995.124.155	22.346.811.252
Từ 1 - 5 năm	98.214.146.600	78.574.346.942
Trên 5 năm	371.705.026.140	291.868.562.959
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>491.914.296.895</b>	<b>392.789.721.153</b>

#### *Cam kết cho thuê hoạt động*

Tổng Công ty và các công ty con hiện đang cho thuê địa điểm kinh doanh theo các hợp đồng cho thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải thu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	14.151.556.239	8.034.289.326
Từ 1 - 5 năm	23.339.211.122	12.578.879.986
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>37.490.767.361</b>	<b>20.613.169.312</b>

### 34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con.

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 3 năm 2026



Nguyễn Thị Hằng  
Người lập



Lữ Thị Khánh Trân  
Kế toán trưởng



Hàn Thị Khánh Vinh  
Tổng Giám đốc

## EY | Building a better working world

EY is building a better working world by creating new value for clients, people, society and the planet, while building trust in capital markets.

Enabled by data, AI and advanced technology, EY teams help clients shape the future with confidence and develop answers for the most pressing issues of today and tomorrow.

EY teams work across a full spectrum of services in assurance, consulting, tax, strategy and transactions. Fueled by sector insights, a globally connected, multi-disciplinary network and diverse ecosystem partners, EY teams can provide services in more than 150 countries and territories.

All in to shape the future with confidence.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via [ey.com/privacy](https://ey.com/privacy). EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit [ey.com](https://ey.com).

© 2025 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

[ey.com/en\\_vn](https://ey.com/en_vn)